

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG  
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 07/2022/HS-ST  
Ngày: 28-3-2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tâm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Cao Hoài Hiêm

2. Ông Trần Ái Hòa

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Hữu Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Ông Võ Trường Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2022/TLST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. TVS, sinh năm 19.., tại tỉnh KG; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú hiện nay: ấp DQ, xã ĐT, huyện AB, tỉnh KG; nghề nghiệp: tài xế; trình độ văn hóa (học vấn): 03/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông: TVT và bà HTD; vợ, con: không có; tiền án, tiền sự: không có; bị tạm giữ ngày 30-10-2021, đến ngày 05-11-2021 bị tạm giam đến nay, “có mặt”.

2. VVB, sinh năm 19.., tại tỉnh CM; nơi đăng ký thường trú: ấp KR, xã VAD9, huyện NH, tỉnh CM; nơi cư trú hiện nay: ấp TV 2, xã TP, huyện GD, tỉnh TN; nghề nghiệp: lơ xe; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông: VVN và bà TMH; vợ: NTNH và có 01 người con; tiền án, tiền sự: không có; bị tạm giữ ngày 30-10-2021, đến ngày 05-11-2021 bị tạm giam đến nay, “có mặt”.

Bị hại: Anh TQĐ, sinh năm 19..; địa chỉ: ấp LT, xã LG, huyện ĐH, tỉnh LA; “có mặt”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh NHC, sinh năm 19..; địa chỉ: Số ... Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh; “vắng mặt”.

2. Anh TTH, sinh năm 19..; địa chỉ: khu phố Chiêu Liêu, phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương; “vắng mặt”.

3. Anh HMP, sinh năm 19..; địa chỉ: Đường số .., Khu phố .., phường Tăng Nhơn Phú B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; “vắng mặt”.

4. Anh NMN, sinh năm 19..; địa chỉ: ấp .., xã Tân Lập, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An; “vắng mặt”.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

TVS là tài xế và VVB là lơ xe Container của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Kỳ Tiến thuộc phường Đông Hòa, Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Khoảng 20 giờ ngày 02-9-2021, S điều khiển xe Container đầu kéo biển số 61C-262.29 chở theo B đi lấy hàng từ cảng Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh đến giao cho Công ty Zhaowen thuộc khu công nghiệp Thành Thành Công. Đến khoảng 02 giờ ngày 03-9-2021, sau khi giao hàng xong, S điều khiển xe đầu kéo chở B đến đường D4 thì nhìn thấy sơ mi rơ moóc biển số 62R-007.36 của anh TQĐ không có người trong coi nên B nảy sinh ý định trộm bán lấy tiền tiêu xài và rủ S cùng thực hiện thì S đồng ý. Sau đó, S cùng B xuống xe gắn sơ mi rơ moóc vào đầu kéo và kéo đi gửi tại bãi xe phía sau cây xăng Hoàng Phúc thuộc khu phố Tân Lộc, phường Gia Lộc, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Đến ngày 05-9-2021, S thuê anh NMN kéo sơ mi rơ moóc biển số 62R-007.36 đến khu vực Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh để bán cho anh NHC với số tiền 67.000.000 đồng, S chia cho B số tiền 25.000.000 đồng đã tiêu xài cá nhân hết. Sau khi mua sơ mi rơ moóc trên thì anh C bán lại cho anh HMP với số tiền 115.000.000 đồng; anh P bán lại cho anh TTH với số tiền 134.000.000 đồng; anh H bán cho một người đàn ông người Campuchia không rõ họ tên, địa chỉ với số tiền 184.000.000 đồng. Riêng anh Đ sau khi phát hiện sơ mi rơ moóc bị mất trộm đã đến Công an thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh trình báo. Đến ngày 30-10-2021, Cơ quan điều tra tiến hành bắt khẩn cấp TVS và VVB. Tại Cơ quan điều tra S và B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại kết luận định giá tài sản số 30/KL-HĐĐGTS ngày 27-9-2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Trảng Bàng, kết luận: Sơ mi rơ moóc màu xanh nhãn hiệu CIMC, số khung: LJRP12386F1016613, tải trọng 31.250kg, biển số đăng ký 62R-007.36 có trị giá 175.500.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Readme màu bạc, số Imei 1: 862794052558975, số Imei 2: 862794052558967; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu xanh đen, số Imei 1: 865073040516339, số Imei 2:

865073040516321; 01 tem đăng kiểm của sơ mi rơ moóc biển số 62R-007.36 nền trắng, chữ đen, phía sau có mộc đỏ của chi nhánh Công ty Cổ phần Đăng kiểm Tây Ninh – Kiểm định số 2; 01 biển số 62R-007.36 nền trắng, chữ đen; tiền Việt Nam 120.000.000 đồng.

Qua xác minh thể hiện TVS và VVB không có tài sản, nên Cơ quan điều tra không tiến hành kê biên.

Về trách nhiệm dân sự: Anh TQĐ yêu cầu S và B bồi thường số tiền 175.500.000 đồng; hiện chị O em ruột của S đã bồi thường số tiền 50.000.000 đồng; anh Q em ruột của B đã bồi thường số tiền 90.000.000 đồng. Anh Đ đã nhận số tiền 140.000.000 đồng và yêu cầu S, B tiếp tục bồi thường số tiền 35.500.000 đồng.

Đối với hành vi mua bán sơ mi rơ moóc biển số 62R-007.36 giữa S, B với NHC, TTH, HMP, NMN Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đã chuyển tin báo đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh để thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với anh Nguyễn Minh Nhí không biết việc S, B trộm cắp sơ mi rơ moóc biển số 62R-007.36 nên không xử lý.

Tại Bản cáo trạng số 04/CT-VKSTrB ngày 24-01-2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đã truy tố các bị cáo TVS, VVB về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo TVS và VVB phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo TVS từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.
- Xử phạt bị cáo VVB từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù.

Biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Lời trình bày của bị hại: Tại phiên tòa anh Đ trình bày anh đã nhận tiền bồi thường của gia đình các bị cáo với tổng số tiền là 180.000.000 đồng, trong đó gia đình của bị cáo S tự nguyện bồi thường số tiền 90.000.000 đồng và gia đình bị cáo B tự nguyện bồi thường số tiền 90.000.000 đồng, anh đã nhận xong và có đơn đề nghị giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo S, B. Tại phiên Tòa anh Đ yêu cầu các bị cáo S, B bồi thường tiền mất thu nhập từ sơ mi rơ moóc biển số 62R-007.36 với số tiền là 135.000.000 đồng, nhưng không có đơn yêu cầu và không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh, nên không xem xét giải quyết trong vụ án này mà tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

Lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tại phiên tòa anh NHC, TTH, HMP, NMN vắng mặt Hội đồng xét xử xem xét toàn bộ lời khai, việc mua bán sơ mi rơ moóc biển số 62R-007.36 giữa bị cáo S, B với anh C, anh P, anh T đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh chuyển tin báo đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết theo thẩm quyền. Anh C, anh P, anh T, anh N đã nộp lại tổng số tiền 120.000.000 đồng có liên quan đến việc phạm tội, trong đó anh C nộp số tiền 48.000.000 đồng, anh P nộp số tiền 20.000.000 đồng, anh H nộp số tiền 50.000.000 đồng, anh N nộp số tiền 2.000.000 đồng.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt các bị cáo mức án thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Xét thấy, trong quá trình điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có lời khai rõ ràng về các tình tiết của vụ án, sự vắng mặt của những người này không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên vụ án vẫn được tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi của các bị cáo thực hiện: Qua quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo S, B đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của các bị cáo S và B phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ xác định: Khoảng 02 giờ ngày 03-9-2021, tại khu vực đường D4 Khu công nghiệp Thành Thành Công thuộc phường An Hòa, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, S và B đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 sơ mi rơ moóc biển số 62R-007.36 của anh TQĐ trị giá 175.500.000 đồng.

[4] Vụ án mang tính chất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Nguyên nhân dẫn đến các bị cáo phạm tội là muốn có tiền tiêu xài, không chịu lao động lương thiện, bất chấp pháp luật, từ đó dẫn các bị cáo đến con đường phạm tội. Xét vai trò của từng bị cáo: Các bị cáo S và B cùng có ý định trộm tài sản để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, mặt dù bị cáo B là người rủ rê bị cáo S cùng thực hiện tội phạm, không có bàn bạc phân công vai trò cụ thể là đồng phạm giản đơn, sau khi bán được tài sản trộm được là sơ mi rơ moóc biển số 62R-007.36, S là người hưởng lợi nhiều hơn với số tiền 40.000.000

đồng, nên bị cáo S phải chịu mức hình phạt chính trong vụ án này, còn bị cáo B hưởng lợi số tiền 25.000.000 đồng nên phải chịu mức hình phạt sau bị cáo S. Với mức hình phạt như đã nhận định trên đủ để cải tạo giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, nhằm mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo S, B không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội các bị cáo S, B thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo tác động gia đình khắc phục hậu quả bồi thường cho bị hại xong và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là tương xứng với tính chất, mức độ nhân thân của bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

[5] Biện pháp tư pháp:

Trách nhiệm dân sự:

- Ghi nhận gia đình các bị cáo S và B đã bồi thường cho bị hại anh Đ số tiền 180.000.000 đồng xong. Tại phiên tòa anh Đ yêu cầu các bị cáo S và B bồi thường tiền mất thu nhập từ sơ mi rơ moóc biển số 62R-007.36 với số tiền là 135.000.000 đồng, nhưng không có đơn yêu cầu và không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh, nên không xem xét giải quyết trong vụ án này, tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

Xử lý vật chứng:

- Đối với 01 tem đăng kiểm của sơ mi rơ moóc biển số 62R-007.36 nền trắng, chữ đen, phía sau có mộc đỏ của chi nhánh Công ty Cổ phần Đăng kiểm Tây Ninh – Kiểm định số 2; 01 biển số 62R-007.36 nền trắng, chữ đen trả lại cho anh TQĐ.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Readme màu bạc, số Imei 1: 862794052558975, số Imet 2: 862794052558967 của bị cáo B, không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo B.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu xanh đen, số Imei 1: 865073040516339, số Imei 2: 865073040516321 của bị cáo S; tiền Việt Nam 120.000.000 đồng có liên quan đến việc phạm tội, nên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

Vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đang quản lý.

[6] Về án phí: Bị cáo S và B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

1. Xử phạt bị cáo TVS 03 (ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30-10-2021.

2. Xử phạt bị cáo VVB 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30-10-2021.

3. Biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

- Ghi nhận gia đình các bị cáo S và B đã bồi thường cho bị hại anh TQĐ số tiền 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng) xong.

- Trả lại cho anh TQĐ 01 tem đăng kiểm của sơ mi rơ moóc biển số 62R-007.36 nền trắng, chữ đen, phía sau có mộc đỏ của chi nhánh Công ty Cổ phần Đăng kiểm Tây Ninh – Kiểm định số 2; 01 biển số 62R-007.36 nền trắng, chữ đen.

- Trả lại cho bị cáo VVB 01 điện thoại di động nhãn hiệu Readme màu bạc, số Imei 1: 862794052558975, số Imei 2: 862794052558967.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu xanh đen, số Imei 1: 865073040516339, số Imei 2: 865073040516321; tiền Việt Nam 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng).

Vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đang quản lý.

4. Về án phí: Căn cứ các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo TVS và VVB mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, báo cho bị cáo và bị hại biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã (phường) và nơi cư trú.

**Nơi nhận:**

- Vụ GDKT.TANDTC (Vụ 1);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP-HCM;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ TAND tỉnh;
- VKSND Tx. Trảng Bàng;
- VKSND tỉnh;
- Cơ quan THAHS Tx. Trảng Bàng;
- Nhà tạm giữ Công an Tx. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS Tx. Trảng Bàng;
- Phòng lý lịch Sở tư pháp tỉnh;
- Bị cáo;
- Người tham tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**NGUYỄN VĂN TÂM**